

Số: **438** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **23** tháng **01** năm 2025

V/v thực hiện Quyết định 143/QĐ-  
BCT của Bộ Công Thương

**HỎA TỐC** Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan nhận được Quyết định số 143/QĐ-BCT ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm cáp thép dự ứng lực có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu kỹ nội dung quy định tại Quyết định số 143/QĐ-BCT và thực hiện như sau:

### **1. Về đối tượng áp dụng thuế chống bán phá giá**

Các đơn vị nghiên cứu, thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 143/QĐ-BCT và Mục 1 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT (tên gọi, đặc tính cơ bản và mã số hàng hóa).

### **2. Về thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá**

Các đơn vị nghiên cứu, thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 143/QĐ-BCT và Mục 4 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT (Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức).

### **3. kê khai thuế chống bán phá giá trên tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu**

Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chống bán phá giá nghiên cứu bảng mã thuế chống bán phá giá dùng trong VNACCS đã được đăng tải trên website: <https://www.customs.gov.vn> để thực hiện kê khai, cụ thể:

3.1. Trường hợp người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì người khai hải quan thực hiện khai báo theo mã G171 tương ứng mức thuế CBPG là 28%.

3.2. Trường hợp người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ không phải Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG, người khai hải quan khai báo trên tờ khai hải quan nhập khẩu chỉ tiêu 1.95 Mã miễn/giảm/không chịu thuế và thu khác mã GK theo bảng mã đối tượng không chịu thuế chống bán phá giá đã được đăng tải trên website: <https://www.customs.gov.vn>.

3.3. Trường hợp người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc nhưng không nộp được bản gốc Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT thì người khai hải quan thực hiện khai báo mã như sau:

+ G160 đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a tương ứng mức thuế CBPG là 12,06%

+ G163 đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan tương ứng mức thuế CBPG là 11%

+ G170 đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc tương ứng mức thuế CBPG là 28%

3.4. Trường hợp người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc và nộp được bản gốc Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT, đồng thời có tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên nhà sản xuất nêu tại Cột 1 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT thì mức thuế suất thuế CBPG là mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT. Người khai hải quan khai báo mã tương ứng với mức thuế suất đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, công ty thương mại liên quan theo bảng mã thuế chống bán phá giá đã được đăng tải trên website <https://www.customs.gov.vn> (từ mã G158 đến G169).

3.5. Trường hợp người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc và nộp được bản gốc Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên nhà sản xuất trên Giấy chứng nhận trùng với tên của nhà sản xuất nêu tại Cột 1 Mục 3 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT nhưng tên nhà xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên nhà sản xuất tại Cột 1 Mục 3 hoặc không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang Cột 2 Mục 3 thì khai báo mã như hướng dẫn tại mục 3.3 nêu trên.

Việc kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất để xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế chống bán phá giá thực hiện theo quy định tại Mục 5 Thông báo ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT.

Việc kê khai, thu thuế, nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Hải quan thông báo đề Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết và thực hiện./.

(Gửi kèm Quyết định số 143/QĐ-BCT ngày 14/01/2025 của Bộ Công Thương)

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Bộ Công Thương (Cục PVTM) (để ph/h);
- Cục CNTT, Cục GSQL, Cục QLRR (để biết);
- Lưu: VT, TXNK (3b). *vt*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Âu Anh Tuấn**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1 4 3 /QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;*

*Căn cứ Quyết định số 2639/QĐ-BCT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;*

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD17);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

### QUYẾT ĐỊNH:

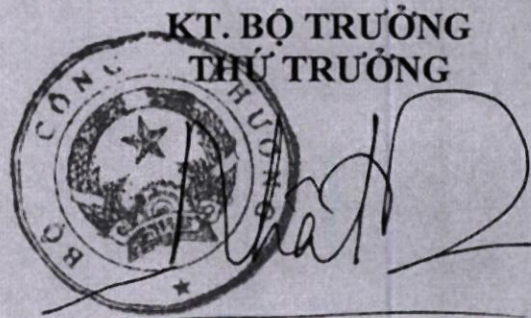
**Điều 1.** Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực được phân loại theo các mã HS 7312.10.91 và 7312.10.99 từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (mã vụ việc: AD17) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan;
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, KHCHN, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (8).



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**

**THÔNG BÁO**

**Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm cáp thép dự ứng lực có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

*(Kèm theo Quyết định số 143/QĐ-BCT ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức**

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức là sản phẩm cáp thép dự ứng lực có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a, Vương quốc Thái Lan (Thái Lan) và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

**a) Tên gọi và đặc tính cơ bản**

Phạm vi hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức bao gồm các sản phẩm cáp thép dự ứng lực có mô tả như sau:

- Cáp thép dự ứng lực (PC Strand) là sản phẩm cáp bện, gồm nhiều sợi kim loại trong đó có 01 sợi tâm và 06 sợi bên ngoài. Các sợi này được cấu thành từ sắt, thép hợp kim hoặc không hợp kim có đường kính định danh của cáp thép (nominal diameter) từ 9,0 đến 16,0mm, không bọc nhựa, có hoặc không phủ lớp dầu chống gỉ.

- Cáp thép dự ứng lực được sản xuất từ thép nguyên liệu carbon cao, có hàm lượng carbon từ 0,70% trở lên.

**b) Mã số hàng hóa (Mã HS)**

Sản phẩm cáp thép dự ứng lực bị áp dụng thuế CBPG có thể được phân loại theo các mã HS 7312.10.91 và 7312.10.99.

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

## 2. Kết luận điều tra

Kết luận điều tra cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định rằng: (i) hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bị bán phá giá; (ii) có việc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước; và (iii) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bị bán phá giá với việc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Cơ quan điều tra đã gửi dự thảo Kết luận điều tra cuối cùng cho các bên liên quan đóng góp ý kiến theo quy định.

## 3. Mức thuế CBPG chính thức

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Biên độ bán phá giá
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
<b>MA-LAI-XI-A</b>			
1	Kiswire Sdn. Bhd.		9,79%
2	Southern PC Steel Sdn Bhd		10,99%
3	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Ma-lai-xi-a		12,06%
<b>THÁI LAN</b>			
4	Thai Wire Products Public Company Limited		11%
5	The Siam Industrial Wire Co., Ltd.		11%
6	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Thái Lan		11%
<b>TRUNG QUỐC</b>			
7	Tianjin Dalu Steel Strand For Prestressed Co., Ltd	Tianjin Dalu International Trade Co., Ltd	28%
8	Guangxi Free Trade Zone Baochang Lianda New Material Co., Ltd		28%
	Henan Hengxing PC Steel Product Co., Ltd		

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Biên độ bán phá giá
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
9	Jiangyin Hongyu Steel Products Co., Ltd.	Fasten Group Imp. & Exp. Co., Ltd. và Fasten Group Import And Export Hong Kong Limited	28%
	Jiangyin Fasten Steel Products Co., Ltd.		
10	Shandong Jingwei Steel Cord Co., Ltd	Yogiant International Limited	18,74%
11	Silvery Dragon Prestressed Materials Co.,LTD Tianjin	Silvery Dragon Group Technology and Trading Co., Ltd Tianjin	28%
	Hejian Baozelong Metal Materials Co., Ltd		
	Tianjin Yinlong Prestressed Materials Co., Ltd. Hejian Branch		
	Xinjiang Yinlong Prestressed Material Co., Ltd		
12	Boxing Victory Metal Materials Co., Ltd	Guangdong Longtime International Trade Co., Ltd	10,48%
13	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		28%

#### 4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

##### a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực kể từ ngày Quyết định áp dụng biện pháp CBPG chính thức có hiệu lực.

##### b) Thời hạn áp dụng

Thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức là 05 (năm) năm kể từ ngày Quyết định áp dụng biện pháp CBPG chính thức có hiệu lực (trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương).



## 5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG chính thức

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

- a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc
- b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:
  - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
  - Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
  - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
  - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len;
  - Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN; hoặc
  - Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

### ***Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa***

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức là 28%. ✓
- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức. ✓
- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Ma-lai-xi-a, Thái Lan hoặc Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

### ***Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)***

- Trường hợp 1: Nếu (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ

chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì nộp thuế CBPG ở mức như sau:

- + 12,06% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
- + 11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và
- + 28% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận trùng với tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

**Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu**

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 hoặc không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp thuế CBPG ở mức như sau:

- + 12,06% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Ma-lai-xi-a;
- + 11% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Thái Lan; và
- + 28% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

**6. Trình tự thủ tục tiếp theo**

Sau khi Quyết định có hiệu lực, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, giám sát hiệu quả của việc thực thi Quyết định trên cơ sở thông tin về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp thuế chống bán phá giá và hàng hóa có khả năng lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá do cơ quan hải quan cung cấp căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại.